

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị:**

Ông Quách Văn Đức	Chủ tịch
Ông Lê Văn Danh	Thành viên
Ông Lê Trọng Hiếu	Thành viên
Ông Trần Trung Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/4/2014)
Bà Trần Thị Quỳnh Tâm	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/4/2014)

#### **Ban Giám đốc:**

Ông Nguyễn Văn Soái	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/4/2014)
Ông Trần Trung Tuấn	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/4/2014)
Bà Giang Thị Kim Phụng	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Quỳnh Tâm	Phó Giám đốc
Ông Trương Minh Tiến	Phó Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát:**

Ông Lê Minh Chương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/4/2014)
Bà Ngô Thị Ty	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/4/2014)
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11/11/2013)
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/4/2014)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn 6 tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

---

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Trung Tuấn**  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 8 năm 2014

Số: 058-HN/DFK-HCM-BCSX

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014, được lập ngày 05 tháng 8 năm 2014, từ trang 04 đến trang 32 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin tài chính, công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.



**Nguyễn Lương Nhân**  
**Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán viên  
số 0182-2013-042-1*

*Thay mặt và đại diện cho:*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



**Lê Đình Huyền**  
**Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
Kiểm toán viên số 1756-2013-042-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị: VND**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>278.733.525.967</b>	<b>226.914.986.470</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	04	<b>32.313.622.157</b>	<b>73.041.717.444</b>
1. Tiền	111		30.013.622.157	66.421.717.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.300.000.000	6.620.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	05	<b>20.857.500.000</b>	<b>20.857.500.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		20.857.500.000	20.857.500.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>86.770.889.724</b>	<b>63.390.421.168</b>
1. Phải thu khách hàng	131		85.906.006.160	63.080.175.788
2. Trả trước cho người bán	132		327.636.594	538.795.994
5. Các khoản phải thu khác	138	06	937.738.608	264.870.071
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(400.491.638)	(493.420.685)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	07	<b>132.520.525.739</b>	<b>68.758.008.687</b>
1. Hàng tồn kho	141		132.520.525.739	68.758.008.687
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.270.988.347</b>	<b>867.339.171</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.243.065.468	462.780.009
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.684.711.186	127.990.882
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		623.350.276	11.353.894
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		719.861.417	265.214.386
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>307.369.583.005</b>	<b>310.449.132.861</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>101.261.280.089</b>	<b>97.946.593.274</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	08	67.922.675.763	69.865.358.935
- Nguyên giá	222		107.343.936.081	107.981.907.062
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.421.260.318)	(38.116.548.127)
3. TSCĐ vô hình	227	09	17.056.961.864	17.448.684.134
- Nguyên giá	228		18.107.986.905	18.107.986.905
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.051.025.041)	(659.302.771)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	16.281.642.462	10.632.550.205
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	11	<b>357.165.497</b>	<b>369.921.413</b>
1. Nguyên giá	241		739.785.948	739.785.948
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(382.620.451)	(369.864.535)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	12	<b>109.080.211.767</b>	<b>109.080.211.767</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258		109.481.175.000	109.481.175.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(400.963.233)	(400.963.233)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>96.670.925.652</b>	<b>103.052.406.407</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	95.349.387.319	102.069.538.074
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	1.321.538.333	982.868.333
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>586.103.108.972</b>	<b>537.364.119.331</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

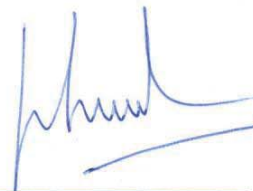
**MẪU B 01-DN**

**Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	01/01/2014
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>321.244.062.680</b>	<b>272.724.986.435</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>302.996.760.297</b>	<b>257.750.175.856</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	223.175.277.595	208.798.049.638
2. Phải trả cho người bán	312		59.687.306.852	27.631.395.850
3. Người mua trả tiền trước	313		1.178.277.721	423.551.014
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	16	97.652.352	3.039.524.149
5. Phải trả công nhân viên	315		1.196.614.187	3.191.794.056
6. Chi phí phải trả	316		2.523.205.588	369.979.014
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		14.288.652.101	13.845.325.532
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		849.773.901	450.556.603
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.247.302.383</b>	<b>14.974.810.579</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		621.903.000	606.303.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	17.554.463.728	14.344.032.670
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		70.935.655	24.474.909
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>230.059.698.520</b>	<b>228.540.163.185</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	18	<b>230.059.698.520</b>	<b>228.540.163.185</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		213.437.600.000	213.437.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.637.962.030	4.637.962.030
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.443.816.812	1.443.816.812
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.127.976.708	2.127.976.708
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.069.547.390	1.069.547.390
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.342.795.581	5.823.260.246
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>34.799.347.772</b>	<b>36.098.969.711</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>586.103.108.972</b>	<b>537.364.119.331</b>



Trần Thị Ngọc Ngân  
Người lập biểu



Hoàng Bảo Tú Phương  
Kế toán trưởng



Trần Trung Tuấn  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 8 năm 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**MẪU B 02-DN****Đơn vị: VND**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01		<b>2.100.666.829.278</b>	<b>1.588.744.903.595</b>
2. Các khoản giảm trừ	02		9.888.824	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	19	<b>2.100.656.940.454</b>	<b>1.588.744.903.595</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	20	2.053.813.422.450	1.551.745.565.284
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>46.843.518.004</b>	<b>36.999.338.311</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	914.085.104	676.093.216
7. Chi phí tài chính	22	22	8.343.824.740	12.442.417.466
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.343.824.740	12.442.417.466
8. Chi phí bán hàng	24	23	27.936.944.081	22.696.279.930
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	9.231.595.920	6.906.591.452
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>2.245.238.367</b>	<b>(4.369.857.321)</b>
11. Thu nhập khác	31		742.111.206	874.694.787
12. Chi phí khác	32		722.888.672	832.660.430
13. Lợi nhuận khác	40	25	19.222.534	42.034.357
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.264.460.901</b>	<b>(4.327.822.964)</b>
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	26	62.576.807	239.571.508
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.201.884.094</b>	<b>(4.567.394.472)</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
17.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số			31.320.952	282.695.382
17.2. Lợi ích thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ			2.170.563.142	(4.850.089.854)
<b>18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	27		<b>(228)</b>



**Trần Thị Ngọc Ngân**  
Người lập biểu



**Hoàng Bảo Tú Phương**  
Kế toán trưởng



**Trần Trung Tuấn**  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 8 năm 2014



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

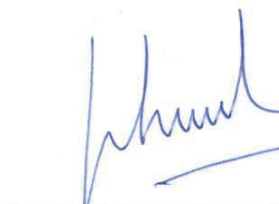
**MẪU B 03-DN**

**Đơn vị: VND**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>2.264.460.901</b>	<b>(4.327.822.964)</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	2	3.667.701.621	3.367.869.559
Các khoản dự phòng	3	(92.929.047)	-
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(594.631.827)	(595.601.135)
Chi phí lãi vay	6	8.343.824.740	12.442.417.466
<b>2. Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>13.588.426.388</b>	<b>10.886.862.926</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(27.910.903.226)	8.725.056
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(63.762.517.052)	43.931.207.639
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	33.459.759.007	23.744.401.745
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	5.939.865.296	4.105.080.440
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.229.941.454)	(12.375.338.698)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.749.326.968)	(5.457.957.032)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	8.500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(655.195.000)	(148.968.333)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(49.319.833.009)</b>	<b>64.702.513.743</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(7.571.958.094)	(15.664.390.387)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	544.689.364	41.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	652.268.037	598.256.631
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6.375.000.693)</b>	<b>(15.025.133.756)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.135.091.956.098	1.272.730.714.775
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.117.504.297.083)	(1.323.493.680.282)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(2.620.920.600)	(7.422.946.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>14.966.738.415</b>	<b>(58.185.911.507)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(40.728.095.287)</b>	<b>(8.508.531.520)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.041.717.444	59.994.834.386
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>32.313.622.157</b>	<b>51.486.302.866</b>



Trần Thị Ngọc Ngân  
Người lập biểu



Hoàng Bảo Tú Phương  
Kế toán trưởng



Trần Trung Tuấn  
Giám đốc

Ngày 05 tháng 8 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3601038204 ngày 08/12/2008 và giấy phép điều chỉnh lần thứ 06 ngày 25/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đồng thời cũng là 1 công ty con của Tổng Công ty Tín Nghĩa.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 95A, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 213.437.600.000 đồng.

Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng và tuân theo các quy định hiện hành của Luật Chứng khoán đối với các công ty đại chúng theo Quyết định số 238/CQĐĐ-NV ngày 24/10/2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu gồm:

- Bán lẻ xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở);
- Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Bán buôn máy móc ngành công, nông, lâm nghiệp;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa;
- Sửa chữa và bảo dưỡng mô tơ điện, máy phát điện;
- Bán buôn, bán lẻ sắt, thép, phụ tùng bếp gas, bếp gas;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Dịch vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ bò và khí dầu mỏ hóa lỏng (không chứa hàng tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản;
- Quảng cáo, đại lý bưu điện;
- Bán buôn, bán lẻ rượu, bia, nước giải khát;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa theo hợp đồng;
- Sửa chữa trụ bơm xăng, bán lẻ trụ bơm xăng dầu, phụ tùng, vật tư thay thế;
- Buôn bán kim loại và quặng kim loại (chi tiết: bán buôn sắt, thép);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chi tiết: nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày);
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiều liệu khí bằng đường ống;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (trừ xi mạ);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1. Chi nhánh Trạm xăng dầu Nhơn Trạch	Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
2. Chi nhánh Trạm xăng dầu Phước Bình	Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
3. Chi nhánh Trạm xăng dầu Long Tân	Tỉnh lộ 25B, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
4. Chi nhánh Trạm xăng dầu Xuân Thạnh	QL20, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
5. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tín Thành	QL1, xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, Đồng Nai
6. Chi nhánh Trạm xăng dầu Xuân Thọ	ấp Thọ Chánh, tỉnh lộ 763, xã Xuân Thọ, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
7. Chi nhánh Trạm xăng dầu Túc Trung	ấp Đồn Điền 1, QL20, xã Túc Trung, huyện Định Quán, Đồng Nai
8. Chi nhánh Trạm xăng dầu 34	Đường Hùng Vương, phường Xuân Trung, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
9. Chi nhánh Trạm xăng dầu 35	QL1, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
10. Chi nhánh Trạm xăng dầu 97	QL1, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
11. Cửa hàng vật liệu xây dựng Long Khánh	QL1, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
12. Chi nhánh Trạm xăng dầu Phú Lý	Số 177, tỉnh lộ 761, xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
13. Chi nhánh Trạm xăng dầu Bàu Hàm	Số 15/02A, xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom, Đồng Nai
14. Chi nhánh Trạm xăng dầu Vĩnh An	KP5, tỉnh lộ 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
15. Chi nhánh Trạm xăng dầu Cầu Mới	Số ¼ Nguyễn Ái Quốc, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
16. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Bình	ấp Bình Phước, tỉnh lộ 768, xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
17. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Tiến	KP7, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
18. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Phong	Số 126, đường Đồng Khởi, phường Trảng Dài, Đồng Nai
19. Chi nhánh Trạm xăng dầu Tân Hòa	KP5, QL1, phường Tân Hòa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
20. Chi nhánh Trạm xăng dầu Thạnh Phú	ấp 2, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
21. Chi nhánh Trạm xăng dầu Sông Trầu	ấp 7, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, Đồng Nai
22. Chi nhánh Trạm xăng dầu ICD Biên Hòa	Quốc lộ 51, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Đồng Nai
23. Chi nhánh Trạm xăng dầu Lộc Thành	Tỉnh lộ 766, ấp Tân Hợp, Xuân Lộc, Đồng Nai
24. Chi nhánh Trạm xăng dầu Lộc Thịnh	ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh, H. Trảng Bom, Đồng Nai
25. Chi nhánh Trạm xăng dầu Hiệp Phước	Đường 25C, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
26. Chi nhánh Trạm xăng dầu Phú Thịnh	Ấp 1, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai
27. Chi nhánh Trạm xăng dầu Long Khánh	Quốc lộ 1, P. Xuân Bình, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
28. Chi nhánh Trạm xăng dầu Hàng Gòn	Quốc lộ 56, xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
29. Chi nhánh Trạm xăng dầu Xuân Tân	Quốc lộ 1, xã Xuân Tân, thị xã Long Khánh, Đồng Nai
30. Chi nhánh Trạm xăng dầu Định Quán 1	Ấp Hiệp Đồng, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, Đồng Nai
31. Chi nhánh Trạm xăng dầu Định Quán 2	Ấp 4, xã Gia Canh, huyện Định Quán, Đồng Nai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Công ty có các công ty con tại thời điểm 30/6/2014 bao gồm:**

Tổng số các công ty con: 02 công ty, trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty.

Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất trong kỳ:

Tên Công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tín Nghĩa 1	TP Biên Hòa	100,00%	100,00%	Kinh doanh xăng dầu
Công ty CP Bất Động Sản Thống Nhất	TP Biên Hòa	53,65%	53,65%	Kinh doanh bất động sản

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư của công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa được thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/ chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản chính đó

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị số các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05
Quyền sử dụng đất	10 – 50

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tang giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	Số năm 05 – 30
------------------------	-------------------

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

**Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát sinh trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Lãi tiền gửi** được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Lãi các khoản đầu tư** được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Doanh thu kinh doanh bất động sản** phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của hợp đồng.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác (nếu có) được áp dụng theo luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	5.786.842.965	6.132.357.992
Tiền gửi ngân hàng	24.226.779.192	60.289.359.452
Các khoản tương đương tiền (*)	2.300.000.000	6.620.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>32.313.622.157</u></b>	<b><u>73.041.717.444</u></b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Đại Á vay ngắn hạn (*)	13.500.000.000	13.500.000.000
Cho Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa vay ngắn hạn (**)	7.357.500.000	7.357.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.857.500.000</u></b>	<b><u>20.857.500.000</u></b>

**Chi tiết cho vay ngắn hạn:**

(\*) Hợp đồng số 13/2013/HĐKT ngày 01/8/2013 với Công ty Cổ phần Địa Ốc Đại Á, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 13.500.000.000 VNĐ;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 3,6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(\*\*) Hợp đồng số 14/2013/HĐKT ngày 01/8/2013 với Công ty Cổ phần Phát triển KCN Tín Nghĩa, với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền cho vay: 7.357.500.000 VNĐ;
- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 3,6%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	203.905.746	38.304.157
Các khoản phải thu khác	733.832.862	226.565.914
<b>Cộng</b>	<b><u>937.738.608</u></b>	<b><u>264.870.071</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	01/01/2014
	VNĐ	VNĐ
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dự án Bất động sản "Khu chợ và Phố chợ" tại huyện Thống Nhất, Đồng Nai	24.412.330.494	24.313.239.585
Hàng hóa	108.108.195.245	44.444.769.102
<b>Cộng</b>	<b>132.520.525.739</b>	<b>68.758.008.687</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>132.520.525.739</b>	<b>68.758.008.687</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	70.782.805.441	14.557.045.425	22.463.008.741	179.047.456	107.981.907.062
Tăng trong kỳ	1.064.984.019	37.000.000	820.881.818	-	1.922.865.837
- Mua sắm mới	-	-	820.881.818	-	820.881.818
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.064.984.019	-	-	-	1.064.984.019
- Tăng khác	-	37.000.000	-	-	37.000.000
Giảm trong kỳ	-	(362.210.818)	(2.198.626.000)	-	(2.560.836.818)
- Thanh lý	-	(362.210.818)	(2.198.626.000)	-	(2.560.836.818)
Tại ngày 30/6/2014	71.847.789.460	14.231.834.607	21.085.264.559	179.047.456	107.343.936.081
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	17.857.469.490	9.468.185.752	10.638.751.951	152.140.934	38.116.548.127
Khấu hao trong kỳ	1.668.467.246	547.422.668	1.043.664.455	3.669.066	3.263.223.435
Thanh lý, nhượng bán	-	(338.333.930)	(1.620.177.314)	-	(1.958.511.244)
Tại ngày 30/6/2014	19.525.936.736	9.677.274.490	10.062.239.092	155.810.000	39.421.260.318
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2014	52.925.335.951	5.088.859.673	11.824.256.790	26.906.522	69.865.358.935
Tại ngày 30/6/2014	52.321.852.724	4.554.560.117	11.023.025.467	23.237.456	67.922.675.763

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	18.107.986.905	18.107.986.905
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/6/2014	<u>18.107.986.905</u>	<u>18.107.986.905</u>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	659.302.771	659.302.771
Khấu hao trong kỳ	391.722.270	391.722.270
Tại ngày 30/6/2014	<u>1.051.025.041</u>	<u>1.051.025.041</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2014	<u>17.448.684.134</u>	<u>17.448.684.134</u>
Tại ngày 30/6/2014	<u>17.056.961.864</u>	<u>17.056.961.864</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2014 VNĐ	01/01/2014 VNĐ
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>10.122.269.012</b>	<b>4.473.176.755</b>
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 1	12.600.000	12.600.000
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Định Quán 2	13.200.000	13.200.000
- Xây dựng trạm chiết Gas Suối Tre	7.466.551.376	2.013.661.574
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Long Thành	2.371.500.000	2.371.500.000
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Phước Thành	30.000.000	30.000.000
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Tín Thành	26.818.182	-
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Suối Tre 2	17.938.000	-
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu Suối Tre 1	17.040.000	-
- Công trình Xây dựng trạm xăng dầu 35	134.406.273	-
- Công trình Xây dựng các trạm xăng dầu khác	32.215.181	32.215.181
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>6.159.373.450</b>	<b>6.159.373.450</b>
- Quyền sử dụng đất tại Hiệp Hòa	5.697.373.450	5.697.373.450
- Phần mềm kế toán Fast	462.000.000	462.000.000
	<u>16.281.642.462</u>	<u>10.632.550.205</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	739.785.948	739.785.948
Tại ngày 30/6/2014	739.785.948	739.785.948
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	369.864.535	369.864.535
Khấu hao trong kỳ	12.755.916	12.755.916
Tại ngày 30/6/2014	382.620.451	382.620.451
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2014	369.921.413	369.921.413
Tại ngày 30/6/2014	357.165.497	357.165.497

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014 VNĐ	01/01/2014 VNĐ
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Đại Á (nay là HD Bank)	106.750.000.000	106.750.000.000
Công ty TNHH MTV TM Kỹ thuật và Đầu tư	2.093.175.000	2.093.175.000
Công ty CP Du lịch Đồng Thuận	638.000.000	638.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(400.963.233)	(400.963.233)
<b>Cộng</b>	<b>109.080.211.767</b>	<b>109.080.211.767</b>

(\*) Chi tiết dự phòng giảm giá đầu tư tại thời điểm 30/6/2014:

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu (1)	Vốn CSH theo báo cáo tài chính (2)	Giá trị theo sổ sách kế toán (3)	Dự phòng tổn thất (4) = (1) x (2) - (3)
Công ty TNHH MTV TM Kỹ thuật và Đầu tư	0,08%	2.381.781.615.226	2.093.175.000	(89.986.150)
Công ty CP Du lịch Đồng Thuận	1,06%	30.754.506.335	638.000.000	(310.977.083)
				<b>(400.963.233)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 01 tháng 01	102.069.538.074	110.370.066.028
Tăng trong kỳ	117.600.000	1.969.808.460
Phân bổ vào chi phí trong năm	(6.837.750.755)	(10.270.336.414)
<b>Tại ngày 30 tháng 6</b>	<b><u>95.349.387.319</u></b>	<b><u>102.069.538.074</u></b>

<b>Trong đó, chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:</b>	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất dùng làm trạm xăng dầu	94.026.539.071	100.294.975.003
Chi phí đền bù san lấp mặt bằng (**)	797.574.972	839.808.792
Chi phí phân loại lại TSCĐ theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	417.473.276	553.600.305
Chi phí khác	107.800.000	381.153.974
	<b><u>95.349.387.319</u></b>	<b><u>102.069.538.074</u></b>

(\*) Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất được hình thành từ việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa và đang được phân bổ theo hướng dẫn tại Thông tư 138/2012/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thời gian bắt đầu phân bổ từ năm 2012.

(\*\*) Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của những khu đất thuê làm trạm xăng dầu, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng nhất quán theo thời gian thuê đất.

**14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thế chấp, ký cược dài hạn	1.321.538.333	982.868.333
<b>Cộng</b>	<b><u>1.321.538.333</u></b>	<b><u>982.868.333</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn (*)</b>	<b>218.744.451.881</b>	<b>200.993.165.271</b>
- Vay ngân hàng	218.744.451.881	200.993.165.271
- Vay tổ chức khác	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (**)</b>	<b>4.430.825.714</b>	<b>7.804.884.367</b>
<b>Cộng</b>	<b>223.175.277.595</b>	<b>208.798.049.638</b>

(*) Chi tiết vay ngắn hạn	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>218.744.451.881</b>	<b>200.993.165.271</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương tỉnh Đồng Nai (1)	54.092.792.900	21.927.980.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Nai (2)	59.340.773.580	97.615.942.086
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Nai (3)	59.590.298.500	59.686.068.185
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Đồng Nai (4)	35.720.586.901	-
- Ngân hàng TMCP Đại Á (nay là HD Bank) (5)	10.000.000.000	21.763.175.000
<b>Vay tổ chức khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>218.744.451.881</b>	<b>200.993.165.271</b>

(**) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả	30/6/2014	01/01/2014
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Đồng Nai	2.187.230.105	4.590.184.367
Ngân hàng TMCP Đại Á (nay là HD Bank)	550.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Đồng Nai	632.250.000	1.264.500.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đồng Nai	495.950.000	850.200.000
Công ty thuê tài chính VILC	565.395.609	-
<b>Cộng</b>	<b>4.430.825.714</b>	<b>7.804.884.367</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

1. Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(1.1). Hợp đồng tín dụng số 2013038/HM5/KHDN ngày 09/7/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ với lãi suất 10%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Thư bảo lãnh vay vốn của Tổng Công ty Tín Nghĩa, giá trị bảo lãnh không thấp hơn 100.000.000.000 VND; thế chấp toàn bộ công trình 11 trạm xăng dầu của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa với tổng giá trị tài sản thế chấp là 101.500.000.000 VND.

(1.2). Hợp đồng tín dụng số 2013037/HM2/KHDN ngày 08/7/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 40.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: từ 01 đến 02 tháng kể từ ngày nhận nợ vay;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ với lãi suất 13%/năm;
- Các hình thức đảm bảo tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

2. Hợp đồng tín dụng số 385-11-2013/HỆTDHM-PN/TPB-DNI ngày 30/11/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ từ 8,6%/năm đến 10,2%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thư bảo lãnh do Tổng Công ty Tín Nghĩa phát hành ngày 17/9/2012 cam kết thanh toán các khoản vay và lãi vay cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa và toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển của Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa.

3. Hợp đồng tín dụng số 372.13.720.838318.TD.DN ngày 22/11/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 30/11/2014;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ từ 10%/năm đến 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Chứng thư bảo lãnh vay vốn do Tổng Công ty Tín Nghĩa phát hành cam kết thanh toán các khoản vay và lãi vay cho Công ty Cổ phần Xăng Dầu Tín Nghĩa; thế chấp 09 trạm xăng dầu của Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa.

4. Hợp đồng tín dụng số 1149/HỆHM/NH-PN/PGGDN ngày 19/5/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ từ 10%/năm đến 10,5%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

5. Hợp đồng tín dụng số 0048/2014/HỆTDHM/DN ngày 09/5/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Là giá trị tài sản hàng tồn kho luân chuyển và quyền đòi nợ hiện hữu luân chuyển của Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tín Nghĩa 1 được quy định trong hợp đồng thế chấp hàng hóa số SGD14/0047/HĐBĐ1 và hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số SGD14/0047/HĐBĐ2, ký ngày 09/5/2014 .

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/6/2014	01/01/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT đầu ra	-	1.854.692.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.576.807	1.025.226.692
Thuế thu nhập cá nhân	34.948.360	25.151.735
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	134.392.416
Các loại thuế khác	127.185	60.390
<b>Cộng</b>	<b><u>97.652.352</u></b>	<b><u>3.039.524.149</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

		30/6/2014	01/01/2014
		VNĐ	VNĐ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Đồng Nai (1)		8.704.712.775	11.107.667.037
Ngân hàng TMCP Đại Á (nay là HD Bank) (2)		550.000.000	1.100.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)		6.049.666.667	5.690.250.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội (4)		3.896.750.000	4.251.000.000
Công ty thuê tài chính VILC (5)		2.784.160.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả		(4.430.825.714)	(7.804.884.367)
<b>Cộng</b>		<b>17.554.463.728</b>	<b>14.344.032.670</b>

**(1) Số dư tại ngày 30/6/2014 gồm các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:**

(1.1). Hợp đồng tín dụng số 2010051/KHDN/NHNT-DA ngày 07/10/2010 với các điều khoản như sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.816.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua 04 xe bồn;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2014 là 11,1%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp bằng 04 xe bồn hình thành từ vốn vay;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 1.204.000.000 VND.

(1.2). Hợp đồng tín dụng số 2011050/DA/KHDN ngày 21/11/2011 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 6.500.000.000 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án trạm xăng dầu Gia Canh và Cầu Trắng (tức là trạm xăng dầu Định Quán 1 và Định Quán 2);
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2014 là 11,1%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp trạm xăng dầu Định Quán 1 và Định Quán 2;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 548.981.725 VND.

(1.3). Hợp đồng tín dụng số 2012002/DA/KHDN ngày 08/02/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.550.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua lại trạm xăng dầu Thắng Lợi 3;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2014 là 11,1%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp trạm xăng dầu Định Quán 3;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 2.944.112.000 VND.

(1.4). Hợp đồng tín dụng số 201304/DA/KHDN ngày 28/3/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền ngân hàng cho vay: 5.260.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của việc nhận chuyển nhượng 02 trạm xăng dầu La Ngà và Bàu Hàm;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ mỗi quý một lần, lãi suất đến thời điểm 30/6/2014 là 11,1%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc 02 trạm xăng dầu La Ngà và Bàu Hàm.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 4.007.619.050 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**VAY DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**(2) Hợp đồng tín dụng số TD09/0345/HS ngày 01/9/2009, với các điều khoản chi tiết sau:**

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.400.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua 04 xe bồn;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: 0,875%/tháng, thay đổi 03 tháng/lần, bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 0,3%/tháng, lãi suất tại ngày 30/6/2014 là 12,4%/năm;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 550.000.000 VND.

**(3) Hợp đồng tín dụng số 361-06.2013/HĐTDTH-PN/TPB-DNI ngày 27/6/2013, với các điều khoản chi tiết sau:**

- Số tiền ngân hàng cho vay: 8.158.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bù đắp vốn đầu tư dự án trạm xăng dầu Thanh Tuyền (tên mới: Trạm Xăng dầu Thành Nghĩa) và bù đắp chuyển mục đích sử dụng đất tại trạm xăng;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Điều chỉnh định kỳ ba tháng một lần và được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ, lãi suất đến thời điểm 30/6/2014 là 11,2%/năm;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 6.049.666.667 VND.

**(4) Hợp đồng tín dụng số 398.13.720.838318.TD.DN ngày 14/02/2013, với các điều khoản chi tiết sau:**

- Số tiền ngân hàng cho vay: 4.251.000.000 VND;
- Mục đích vay: Bỏ sung vốn thanh toán một phần tiền chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là trạm xăng tọa lạc tại Cụm Công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân, Xã Thạnh Phú, Vĩnh Cửu, Đồng Nai;
- Thời hạn vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể trong giấy nhận nợ, lãi suất đến thời điểm 30/6/2014 là 11,5%/năm;
- Hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm trụ bơm xăng và nhà văn phòng của trạm xăng dầu tại ấp 1, xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Đồng Nai;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 3.896.750.000 VND.

**(5) Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00025-000 ngày 28/02/2014, với các điều khoản chi tiết sau:**

- Giá trị thuê là: 3.480.200.000 VND;
- Thời hạn thuê: 48 tháng;
- Lãi suất thuê: 8,9%/năm;
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2014 là 2.784.160.000 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

Số 95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B09-DN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn chủ sở hữu	Vốn khác của Vốn chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	213.437.600.000	2.064.000.000	4.017.778.842	2.127.976.708	1.069.547.390	6.724.792.780	229.441.695.720
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	5.754.014.583	5.754.014.583
Trích quỹ	-	2.573.962.030	(2.573.962.030)	-	-	-	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(6.403.128.000)	(6.403.128.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(252.419.117)	(252.419.117)
Tại ngày 31/12/2013	<b>213.437.600.000</b>	<b>4.637.962.030</b>	<b>1.443.816.812</b>	<b>2.127.976.708</b>	<b>1.069.547.390</b>	<b>5.823.260.246</b>	<b>228.540.163.185</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	2.170.563.142	2.170.563.142
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	(151.027.807)	(151.027.807)
Tại ngày 30/6/2014	<b>213.437.600.000</b>	<b>4.637.962.030</b>	<b>1.443.816.812</b>	<b>2.127.976.708</b>	<b>1.069.547.390</b>	<b>7.342.795.581</b>	<b>230.059.698.520</b>

(1) Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 12/4/2014.

(2) Phân phối lợi nhuận tại Công ty Cổ phần Bất động sản Thông Nhất theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 ngày 22/5/2014.

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/6/2014	Tỷ lệ (%)	Tại ngày 01/01/2014	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Tín Nghĩa	125.879.440.000	58,98%	125.879.440.000	58,98%
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng Hải STS	74.703.160.000	35,00%	74.703.160.000	35,00%
Cổ đông khác	12.855.000.000	6,02%	12.855.000.000	6,02%
	<b>213.437.600.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>213.437.600.000</b>	<b>100,00%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	30/06/2014	01/01/2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	21.343.760.000	21.343.760.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	21.343.760.000	21.343.760.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	21.343.760.000	21.343.760.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.403.128.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận</i>	-	6.403.128.000

**Cổ phiếu**

	30/06/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.343.760	21.343.760
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.343.760	21.343.760
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.343.760	21.343.760
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.343.760	21.343.760
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	21.343.760	21.343.760
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành 10.000 (VNĐ)		

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ
Doanh thu bán xăng dầu	2.097.061.835.994	1.569.680.197.262
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	2.538.041.502
Doanh thu bán vật liệu xây dựng và doanh thu khác	3.604.993.284	16.526.664.831
	<b>2.100.666.829.278</b>	<b>1.588.744.903.595</b>
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	9.888.824	-
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>2.100.656.940.454</b>	<b>1.588.744.903.595</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ
Giá vốn xăng dầu đã cung cấp	2.050.503.685.634	1.536.325.717.695
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	1.941.012.903
Giá vốn vật liệu xây dựng và giá vốn khác	3.309.736.816	13.478.834.686
<b>Cộng</b>	<b>2.053.813.422.450</b>	<b>1.551.745.565.284</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	652.268.037	598.256.631
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	261.817.067	77.836.585
<b>Cộng</b>	<b>914.085.104</b>	<b>676.093.216</b>

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	8.343.824.740	12.442.417.466
<b>Cộng</b>	<b>8.343.824.740</b>	<b>12.442.417.466</b>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí công cụ đồ dùng	616.282.638	313.525.176
Chi phí nhân công	11.780.785.120	10.717.324.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.638.158.712	2.566.292.702
Phân bổ lợi thế thương mại	5.220.865.938	4.529.506.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.802.028.681	2.212.976.376
Chi phí bằng tiền khác	2.878.822.992	2.356.654.649
<b>Cộng</b>	<b>27.936.944.081</b>	<b>22.696.279.930</b>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VNĐ	VNĐ
Chi phí công cụ đồ dùng	179.897.974	267.690.786
Chi phí nhân viên quản lý	5.359.697.500	4.231.173.439
Chi phí khấu hao TSCĐ	192.340.574	199.429.998
Thuế, phí, lệ phí	256.011.545	85.553.907
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.222.490.914	488.413.702
Chi phí bằng tiền khác	2.021.157.413	1.634.329.620
<b>Cộng</b>	<b>9.231.595.920</b>	<b>6.906.591.452</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***25. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ
Thu nhập từ việc thanh lý TSCĐ	544.689.364	41.000.000
Thu nhập từ bàn giao CCDC cho Công ty con	-	530.806.929
Thu nhập khác	197.421.842	302.887.858
<b>Cộng</b>	<b>742.111.206</b>	<b>874.694.787</b>
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	578.448.686	43.655.496
Chi phí từ bàn giao CCDC cho Công ty con	-	530.806.929
Thù lao Hội đồng quản trị	113.000.000	-
Các khoản chi phí khác	31.439.986	258.198.005
<b>Cộng</b>	<b>722.888.672</b>	<b>832.660.430</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>19.222.534</b>	<b>42.034.357</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	62.576.807	239.571.508
	<b>62.576.807</b>	<b>239.571.508</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.170.563.142	(4.850.089.854)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông.	2.170.563.142	(4.850.089.854)
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.343.760	21.343.760
<b>Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần</b>	<b>102</b>	<b>(228)</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ
Chi phí mua hàng hóa	2.053.813.422.450	1.551.745.565.284
Chi phí nhân công	17.140.482.620	14.948.498.218
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.830.499.286	2.765.722.700
Phân bổ lợi thế thương mại	5.220.865.938	4.529.506.248
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.024.519.595	2.701.390.078
Chi phí khác	5.155.991.950	4.076.538.176
	<b>2.090.185.781.839</b>	<b>1.580.767.220.704</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**29. BIẾN ĐỘNG VỀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP SO VỚI CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC**

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014 là 2.201.884.094 VNĐ, tăng 148% so với cùng kỳ năm trước là 4.567.394.472 VNĐ. Nguyên nhân chủ yếu là do sự gia tăng của lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ và sự sụt giảm của chi phí tài chính kỳ này.

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 9.844.179.693 VNĐ, tương ứng 27% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Chi phí tài chính giảm 4.098.592.726 VNĐ, tương ứng 33% so với cùng kỳ năm ngoái.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính**

	Giá trị ghi sổ			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.313.622.157	-	73.041.717.444	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.843.744.768	(400.491.638)	63.345.045.859	(493.420.685)
Các khoản cho vay	20.857.500.000	-	20.857.500.000	-
Đầu tư dài hạn	109.481.175.000	(400.963.233)	109.481.175.000	(400.963.233)
<b>Tổng cộng</b>	<b>249.496.041.925</b>	<b>(801.454.871)</b>	<b>266.725.438.303</b>	<b>(894.383.918)</b>
			Giá trị ghi sổ	
			30/6/2014	01/01/2014
			VNĐ	VNĐ
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay			240.729.741.323	223.142.082.308
Phải trả người bán và phải trả khác			73.975.958.953	41.476.721.382
Chi phí phải trả			2.523.205.588	369.979.014
<b>Tổng cộng</b>			<b>317.228.905.864</b>	<b>264.988.782.704</b>

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

- *Phải thu khách hàng:* Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.
- *Tiền gửi ngân hàng:* Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 01 năm	Từ 01 năm - 05 năm	Tổng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 30/6/2014</b>			
Các khoản vay	223.175.277.595	17.554.463.728	240.729.741.323
Phải trả người bán và phải trả khác	73.975.958.953	-	73.975.958.953
Chi phí phải trả	2.523.205.588	-	2.523.205.588
<b>Cộng</b>	<b>299.674.442.136</b>	<b>17.554.463.728</b>	<b>317.228.905.864</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Các khoản vay	208.798.049.638	14.344.032.670	223.142.082.308
Phải trả người bán và phải trả khác	41.476.721.382	-	41.476.721.382
Chi phí phải trả	369.979.014	-	369.979.014
<b>Cộng</b>	<b>250.644.750.034</b>	<b>14.344.032.670</b>	<b>264.988.782.704</b>
<b>TÀI SẢN TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tại 30/6/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.313.622.157	-	32.313.622.157
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.843.744.768	-	86.843.744.768
Các khoản cho vay	20.857.500.000	-	20.857.500.000
Đầu tư dài hạn	-	109.481.175.000	109.481.175.000
<b>Cộng</b>	<b>140.014.866.925</b>	<b>109.481.175.000</b>	<b>249.496.041.925</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.041.717.444	-	73.041.717.444
Phải thu khách hàng và phải thu khác	63.345.045.859	-	63.345.045.859
Các khoản cho vay	20.857.500.000	-	20.857.500.000
Đầu tư dài hạn	-	109.481.175.000	109.481.175.000
<b>Cộng</b>	<b>157.244.263.303</b>	<b>109.481.175.000</b>	<b>266.725.438.303</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan sau:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VNĐ	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	28.992.912.986	360.908.020
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	167.700.785	45.455.184
Công ty CP Tín Khải	Công ty liên kết TCT	51.996.811	15.237.381
Công ty CP Cảng Container Đồng Nai - ICD Đồng Nai	Công ty con của TCT	57.450.791	60.153.581
Công ty CP Logistic Tín Nghĩa - ICD Biên Hòa	Công ty con của TCT	662.663.304	772.189.345
Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	6.175.438.482
Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	44.798.120.622
Ngân hàng TMCP Đại Á	Công ty liên kết TCT	-	977.983.295
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	Công ty con của TCT	-	457.185.592
Công ty TNHH MTV Đá Grannite Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	102.436.888	69.372.144
Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo	Công ty con của TCT	-	58.594.755
Công ty CP Thống Nhất	Công ty con của TCT	135.794.937	-
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	Công ty con của TCT	376.528.535	224.768.392
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	24.494.545	32.345.995
Công ty CP Cấu kiện Bê tông DIC Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	1.788.864
Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa Á Châu	Công ty con của TCT	9.254.061	-
Công ty CP KCN Tín Nghĩa Phương Đông	Công ty con của TCT	60.103.038	23.921.046
Công ty CP TM & Xây dựng Phước Tân	Công ty con của TCT	54.317.909	-
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	1.367.955
Công ty TNHH Quản lý Dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	62.125.246	56.947.472
<b>Mua hàng</b>			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	1.470.272.727	32.720.000
Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải STS	Cổ đồng	578.409.874.482	-
Công ty TNHH MTV Quản lý dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	70.272.727	145.979.091
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	Công ty con của TCT	-	138.731.232
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	20.876.364
Công ty TNHH MTV Du lịch và Dịch vụ Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	525.581.819
Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	2.188.882.781



**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

<b>Trả nợ vay</b>			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	-	5.260.000.000
<b>Lãi cho vay vốn</b>			
Công ty CP Địa Ốc Đại Á	Công ty con của TCT	244.350.000	271.500.000
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	133.170.750	147.967.500
<b>Chi trả cổ tức</b>			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	-	5.203.128.000
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	423.465.000	517.314.000
Công ty CP Đầu tư Đại Á	Công ty con của TCT	777.000.000	949.200.000

**Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/6/2014 như sau:**

		30/6/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Phải thu tiền hàng</b>			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	12.435.725.231	100.297.490
Công ty CP Cảng Container Đồng Nai - ICD Đồng Nai	Công ty con của TCT	11.392.350	10.289.590
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	Công ty con của TCT	98.707.732	31.782.970
Công ty CP Logistic Tín Nghĩa - ICD Biên Hòa	Công ty con của TCT	121.795.300	64.502.530
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	73.163.790	20.412.170
Công ty CP Thống Nhất	Công ty con của TCT	48.960.500	28.058.480
Công ty TNHH MTV KCN Ông Kèo	Công ty con của TCT	-	-
Công ty CP Tín Khai	Công ty liên kết TCT	9.727.500	8.587.760
Công ty TNHH Quản lý Dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	29.240.360
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Nông Sản Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	7.896.700	-
Công ty TNHH MTV KCN Nhơn Trạch 3	Công ty con của TCT	-	15.906.690
Ngân hàng TMCP Đại Á	Công ty liên kết TCT	-	967.600
Công ty CP KCN Tín Nghĩa Phương Đông	Công ty con của TCT	11.847.480	-
Công ty CP TM & XD Phước Tân	Công ty con của TCT	6.568.050	430.000
Công ty TNHH MTV Đá Grannite Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	16.285.330	-
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	1.616.650.000	-
Công ty CP Xăng dầu và DV Hàng hải STS	Cổ đông	31.680.398.150	-
Công ty TNHH MTV Quản lý dự án Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	62.085.200
Công ty TNHH MTV VLXD Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	385.829.488	430.240.648
<b>Phải thu vốn cho vay</b>			
Công ty CP Địa ốc Đại Á	Công ty con của TCT	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	7.357.500.000	7.357.500.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU TÍN NGHĨA**

95A, Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Phải trả cổ tức**

Công ty CP Địa ốc Đại Á	Công ty con của TCT	-	630.000.000
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	Công ty con của TCT	-	343.350.000

**Phải trả khác**

Tổng công ty Tín Nghĩa (TCT)	Công ty mẹ	460.002.832	490.999.732
------------------------------	------------	-------------	-------------

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này.



Trần Thị Ngọc Ngân  
Người lập biểu



Hoàng Bảo Tú Phương  
Kế toán trưởng



Trần Trung Tuấn  
Giám đốc  
Ngày 05 tháng 8 năm 2014